

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
CÔNG NGHỆ HVC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số: 32 /CV/HVC/2025

V/v: Giải trình số liệu BCTC Quý I
năm 2025

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2025

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Về việc công bố báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2025 của Công ty cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC, Công ty giải trình số liệu như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty Quý I năm 2025 đạt 48.68 tỷ, giảm 48.84 tỷ so với cùng kỳ năm 2024 tương ứng tỷ lệ giảm 50%. Doanh thu quý I/2025 giảm so với quý I/2024 chủ yếu ở doanh thu thi công và lắp đặt công trình. Doanh thu thi công lắp đặt công trình phản ánh đúng tính chu kỳ của ngành xây lắp đó là việc nghiệm thu bàn giao các hạng mục công trình, các công trình thường diễn ra chậm lại vào những tháng đầu năm. Ngoài ra, do ảnh hưởng chung của toàn ngành bất động sản cũng ảnh hưởng đến hoạt động nghiệm thu bàn giao thanh quyết toán của chủ đầu tư và các nhà thầu. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý I năm 2025 của Công ty giảm 50% làm cho lợi nhuận sau thuế quý I năm 2025 của Công ty giảm 4.05 tỷ đồng tương đương giảm 53% so với lợi nhuận sau thuế của cùng kỳ năm 2024.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất:

Doanh thu hợp nhất Công ty Quý I/2025 đạt 74.72 tỷ giảm 29.6 tỷ so với quý I/2024 tương ứng tỷ lệ giảm 28%. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất quý I năm 2025 giảm chủ yếu đến từ hoạt động thi công lắp đặt công ty tại Công ty mẹ. Doanh thu hợp nhất Quý I/2025 giảm làm cho lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý I/2025 đạt 5.94 tỷ giảm 3.24 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 35% so với quý I/2024. Năm 2025, tuy nền kinh tế nói chung vẫn còn những khó khăn nhưng Ban lãnh đạo công ty đã quyết liệt đẩy mạnh việc phát triển hoạt động xây dựng hạ tầng – nhà xưởng khu công nghiệp tạo động lực phát triển mới cho công ty. Ban lãnh đạo công ty phấn đấu trong thời gian ngắn sẽ đưa công ty HVC



trở thành công ty có thương hiệu lớn về tổng thầu xây dựng hạ tầng nhà xưởng các khu công nghiệp tại Việt Nam.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu; Hành chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

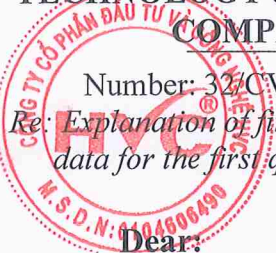


TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường



**HVC INVESTMENT AND
TECHNOLOGY JOINT STOCK
COMPANY**



Number: 32/CV/HVC/2025

*Re: Explanation of financial statements
data for the first quarter of 2025*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Hanoi, April 26, 2025

Dear:

**State Securities Commission
Ho Chi Minh Stock Exchange**

Regarding the announcement of separate financial statements and consolidated financial statements for the first quarter of 2025 of HVC Investment and Technology Joint Stock Company, the Company explains the data as follows:

1. Separate financial statements:

The Company's sales and service revenue in the first quarter of 2025 reached 48.68 billion dong, down 48.84 billion dong compared to the same period in 2024, equivalent to a 50% decrease. The decrease in revenue in the first quarter of 2025 compared to the first quarter of 2024 was mainly due to construction and installation revenue. Construction and installation revenue reflects the cyclical nature of the construction industry, which is that the acceptance and handover of construction items and projects often slows down in the first months of the year. In addition, the general impact of the entire real estate industry also affects the acceptance, handover and payment settlement activities of investors and contractors. The Company's sales and service revenue in the first quarter of 2025 decreased by 50%, causing the Company's after-tax profit in the first quarter of 2025 to decrease by 4.05 billion dong, equivalent to a 53% decrease compared to the after-tax profit in the same period of 2024.

2. Consolidated financial statements:

The Company's consolidated revenue in the first quarter of 2025 reached 74.72 billion, down 29.6 billion compared to the first quarter of 2024, corresponding to a decrease of 28%. The decrease in consolidated sales and service revenue in the first quarter of 2025 mainly came from the company's construction and installation activities at the parent company. The decrease in consolidated revenue in the first quarter of 2025 caused the



consolidated profit after tax in the first quarter of 2025 to reach 5.94 billion, down 3.24 billion, corresponding to a decrease of 35% compared to the first quarter of 2024. In 2025, although the economy in general still has difficulties, the Company's Board of management has resolutely promoted the development of construction of industrial park's infrastructure and factories, creating new development momentum for the company. The Company's Board of management strives to make HVC a major brand name in the general contractor for infrastructure construction of industrial parks' infrastructure and factories in Vietnam in the short term.

Best regards./.

LEGAL REPRESENTATIVE
(Sign, full name)

Recipients:

- As above;*
- Archived; Administration*



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		246.768.484.472	247.395.128.337
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.391.207.997	27.833.300.172
Tiền	111		11.566.735.126	10.021.722.046
Các khoản tương đương tiền	112		12.824.472.871	17.811.578.126
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2a	18.875.682.272	25.278.541.524
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		18.875.682.272	25.278.541.524
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.520.794.593	130.062.414.515
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	82.925.337.178	80.994.829.100
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	26.306.203.136	3.023.940.361
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	25.811.578.082	37.006.630.137
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	27.090.690.667	25.440.029.387
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(16.613.014.470)	(16.403.014.470)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		57.975.583.716	63.572.366.588
Hàng tồn kho	141	5.8	57.975.583.716	63.572.366.588
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.215.894	648.505.538
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13a	5.215.894	23.706.266
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	582.993.703
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	41.805.569
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		337.139.571.533	324.944.693.962
Các khoản phải thu dài hạn	210	5.9	33.000.000	33.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		33.000.000	33.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		23.274.179.011	23.639.402.306
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	23.266.178.996	23.629.802.292
- Nguyên giá	222		35.570.544.639	35.570.544.639
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(12.304.365.643)	(11.940.742.347)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		8.000.015	9.600.014
- Nguyên giá	228		32.000.000	32.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(23.999.985)	(22.399.986)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	2.814.624.000	2.814.624.000
- Nguyên giá	231		2.814.624.000	2.814.624.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.614.508.367	19.119.854.486
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XDCB dở dang	242	5.12	31.614.508.367	19.119.854.486
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	279.210.000.000	279.210.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		230.790.000.000	230.790.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		48.420.000.000	48.420.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		193.260.155	127.813.170
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13b	193.260.155	127.813.170
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		583.908.056.005	572.339.822.299

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
NỢ PHẢI TRẢ	300		130.020.372.940	121.997.754.373
Nợ ngắn hạn	310		130.020.372.940	121.997.754.373
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	26.239.081.691	36.501.447.873
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	26.615.808.742	41.236.874.147
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	3.003.387.576	5.836.938.266
Phải trả người lao động	314		2.138.178.202	3.843.074.445
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	208.077.400	12.193.449.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	69.448.414.722	20.018.546.035
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	2.367.424.607	2.367.424.607
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2025	01/01/2025
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		453.887.683.065	450.342.067.926
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	453.887.683.065	450.342.067.926
Vốn góp của chủ sở hữu	411		406.448.300.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		406.448.300.000	406.448.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(4.390.693.200)	(4.390.693.200)
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.830.076.265	48.284.461.126
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		48.284.461.126	38.487.126.534
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.545.615.139	9.797.334.592
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		583.908.056.005	572.339.822.299

Ngày 26 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I Năm 2025	Quý I Năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	6.1	48.685.340.505	97.526.771.647
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	48.685.340.505	97.526.771.647
Giá vốn hàng bán	11	6.2	39.534.944.428	83.704.567.629
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.150.396.077	13.822.204.018
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	135.541.833	129.481.049
Chi phí tài chính	22	6.4	13.304.141	187.571.563
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.304.141	156.799.231
Chi phí bán hàng	25	6.5	75.006.800	18.366.710
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	4.771.986.084	4.160.375.982
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.425.640.885	9.585.370.812
Thu nhập khác	31	6.7	121.978.049	57.146.139
Chi phí khác	32	6.8	100.120.001	144.028.749
Lợi nhuận khác	40		21.858.048	(86.882.610)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.447.498.933	9.498.488.202
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	901.883.794	1.899.697.640
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.545.615.139	7.598.790.562

Ngày 26 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bích Thuận

Cao Hải Ngọc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2025

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	4.447.498.933	9.498.488.202
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	365.223.295	455.340.915
- Các khoản dự phòng	03	210.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(126.390.724)	(24.440.244)
- Chi phí lãi vay	06	13.304.141	156.799.231
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.909.635.645	10.086.188.104
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(39.323.495.746)	22.759.135.355
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.596.782.872	20.559.037.400
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(25.026.799.733)	(66.220.444.539)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(46.956.613)	(15.134)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.304.141)	(156.799.231)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.498.676.177)	(1.600.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(58.402.813.893)	(14.572.898.045)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(3.793.467.387)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.603.456.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	23.201.367.307	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	126.390.724	24.440.244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	17.724.302.031	(3.769.027.143)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	50.800.122.676	43.453.878.130

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I năm 2025

Đơn vị: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.370.253.989)	(48.572.392.311)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.193.449.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.236.419.687	(5.118.514.181)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(3.442.092.175)	(23.460.439.369)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	27.833.300.172	33.058.676.241
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	24.391.207.997	9.598.236.872

Ngày 26 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bích Thuận

Cao Hải Ngọc

Lê Văn Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104606490, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 04 năm 2010, đăng ký thay đổi lần 23 (lần gần nhất) ngày 16 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp

Vốn điều lệ của Công ty tại Ngày 31 tháng 03 năm 2025 là: 406.448.300.000 đồng.

Mã chứng khoán của Công ty là HVH.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E.

Trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến Ngày 31 tháng 03 năm 2025 hoạt động cung cấp, lắp đặt các thiết bị vui chơi, giải trí cao cấp như: sân trượt băng nghệ thuật, thủy cung đại dương, công viên nước, bể bơi và hoạt động lắp đặt hệ thống M&E có ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các công ty con của Công ty tính đến Ngày 31 tháng 03 năm 2025 gồm:

Tên	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:			
Công ty TNHH HVC Hưng Yên	99,00%	99,00%	99,00%
Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	95,00%	95,00%	95,00%
Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill	99,00%	99,00%	99,00%
Công ty TNHH ĐT HVC và Hồ Gươm Hòa Bình	70,00%	70,00%	70,00%

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tính đến Ngày 31 tháng 03 năm 2025 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Hải Phòng	Thôn 4, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC – Thành phố Hồ Chí Minh	Tầng 2, Tòa nhà Sophie Building, Số 277B Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính riêng này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho Quý I năm 2025 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu :

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn ;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn ;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- | | |
|--------------------|---|
| - Sản phẩm dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo từng công trình |
| - Hàng hóa | Bình quân gia quyền |

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định ; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau ;

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 – 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 07 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 08 năm |
| - Tài sản cố định khác | 04 – 06 năm |

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu ;

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền” ;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn ;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm : Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.12. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Chi phí bảo hành công trình xây lắp. Đây là khoản dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty trong Quý I năm 2025 được ước tính theo chính sách trích lập dự phòng bảo hành, cụ thể như sau:

- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm từ 80% trở lên, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm dưới 20% do đã có chính sách bảo hành từ nhà cung cấp nên Công ty không tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình này.
- Các công trình có tỷ lệ trọng hàng hóa chiếm dưới 75%, nhân công lắp đặt và vật tư phụ chiếm từ 25% trở lên thì Công ty tiến hành trích lập dự phòng bảo hành cho các công trình trên theo tỷ lệ cam kết bảo hành tại từng hợp đồng nhưng không vượt quá 5% tổng giá trị hợp đồng.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Công ty là 8%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính riêng và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.19. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Tiền mặt	939.481.715	9.236.059
Tiền gửi ngân hàng	10.627.253.411	10.012.485.987
Các khoản tương đương tiền(i)	12.824.472.871	17.811.578.126
Cộng	24.391.207.997	27.833.300.172

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; thời hạn 01 tháng đến 03 tháng; lãi suất từ 2,7 đến 4,4%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng	18.875.682.272	25.278.541.524
Cộng	18.875.682.272	25.278.541.524

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Quý I năm 2025

b. Đầu tư tài chính dài hạn

		31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)			
		Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con		230.790.000.000	-	(*)	230.790.000.000	-	(*)
	Công ty TNHH HVC Hưng Yên (i)	59.400.000.000	-	(*)	59.400.000.000	-	(*)
	Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC (ii)	27.000.000.000	-	(*)	27.000.000.000	-	(*)
	Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park (iii)	28.500.000.000	-	(*)	28.500.000.000	-	(*)
	Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehil (iv)	10.890.000.000	-	(*)	10.890.000.000	-	(*)
	Công ty TNHH đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình(v)	105.000.000.000	-	(*)	105.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		48.420.000.000	-	(*)	48.420.000.000	-	(*)
	Công ty Cổ phần Chí Thành (vi)	48.420.000.000	-	(*)	48.420.000.000	-	(*)
Cộng		279.210.000.000	-	(*)	279.210.000.000	-	(*)

(i) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900982165 ngày 11 tháng 01 năm 2016, thay đổi lần gần nhất (lần 04) ngày 21 tháng 2 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 21/02/2022 là 60.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại Ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH HVC Hưng Yên là 59.400.000.000 đồng.

(ii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108433496 ngày 14/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 90,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại Ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Tổng thầu Cơ điện HVC là 27.000.000.000 đồng.

(iii) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108761458 ngày 29 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 95,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại Ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH Thiết bị Vui chơi Giải trí HVC Park là 28.500.000.000 đồng.

(iv) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400536676 ngày 23 tháng 11 năm 2022, thay đổi lần gần nhất (lần 01) ngày 16 tháng 3 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1 ngày 16/03/2024 là 11.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill là

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

10.890.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 99,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại Ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty CP đầu tư và du lịch Lakehill là 10.890.000.000 đồng.

(v) Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400543722 ngày 01 tháng 12 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp. Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 150.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình là 105.000.000.000 đồng tương ứng tỷ lệ 70,00% vốn điều lệ. Vốn thực góp tại Ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC vào Công ty TNHH đầu tư HVC và Hồ Gươm Hòa Bình là 105.000.000.000 đồng.

(vi) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chí Thành theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/HVC/2020/NQHDQT ngày 05/09/2020 thông qua việc góp vốn mua cổ phần của Công ty Cổ phần Chí Thành để thực hiện dự án đầu tư "Khu biệt thự nhà vườn trồng rừng kết hợp du lịch sinh thái" tại xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình với tổng diện tích dự án khoảng 40ha. Công ty đầu tư với số tiền là 48.420.000.000 đồng chiếm 20,00% vốn điều lệ của Công ty này. Công ty Cổ phần Chí Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2512100281 ngày 24/01/2011 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hòa Bình cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400233946, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 09 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 03 (lần gần nhất) ngày 05 tháng 03 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp.

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Các khách hàng là bên liên quan	472.695.378	-
- Công ty TNHH Thiết bị vui chơi giải trí HVC Park	472.695.378	-
Các khách hàng độc lập	82.452.641.800	80.994.829.100
- Công ty CP thương mại và du lịch Kim Bôi	6.015.038.554	3.651.794.045
- Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần Vinhomes	21.178.861.159	21.396.804.442
- Công ty Cổ phần bể bơi thông minh Spool	3.534.574.770	6.534.574.770
- Công ty TNHH xây dựng Cát Hải	1.569.206.695	14.063.860.576
- Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	9.600.000.000	9.600.000.000
- Công ty cổ phần giải pháp công nghệ CNC	15.017.097.000	-
- Công ty TNHH Delta-Valley Bình Thuận	8.118.447.923	8.118.447.924
- Các khách hàng khác	17.419.502.699	17.629.347.343
Cộng	85.925.337.178	80.994.829.100

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Thao	22.978.846.000	-
- Công ty TNHH Kiến trúc & xây dựng quốc tế Baleine	486.275.200	486.275.200
- Công ty CP CID Việt Nam	346.000.000	346.000.000
- Công ty TNHH đầu tư và PT HIKARU	296.687.700	304.586.700
- Công ty CP công trình Viettel	-	537.553.462
- Các nhà cung cấp khác	2.198.394.236	1.349.524.999
Cộng	26.306.203.136	3.023.940.361

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Phải thu các bên liên quan	17.704.947.945	28.900.000.000
Công ty Hồ Gươm Hòa Bình vay tiền(i)	17.704.947.945	28.900.000.000
Phải thu các tổ chức cá nhân khác	8.106.630.137	8.106.630.137
Nguyễn Việt Thắng (ii)	8.106.630.137	8.106.630.137
Cộng	25.811.578.082	37.006.630.137

(i) Các hợp đồng cho công ty con vay thời hạn 12 tháng, lãi suất 7%-7.554%/ năm

(ii) Khoản tiền cho Ông Nguyễn Việt Thắng vay ngày 15 tháng 02 năm 2023. Ngày 02/10/2023 công ty ký hợp đồng mua lại 10% phần vốn góp tại công ty TNHH Sông Thao của ông Nguyễn Việt Thắng với giá trị chuyển nhượng 11.106.630.137đ. Khoản cho vay sẽ được bù trừ với số tiền chuyển nhượng phải trả ông Nguyễn Việt Thắng khi thủ tục chuyển nhượng hoàn tất. Tuy nhiên do chưa hoàn thiện xong đầy đủ thủ tục chuyển nhượng nên ông Nguyễn Việt Thắng tạm trả lại một phần khoản vay và sẽ tiếp tục trả lại đủ khoản vay trên nếu không hoàn thành xong thủ tục chuyển nhượng. Khoản cho vay có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

5.6 Phải thu khác

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	8.151.650	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác	27.090.690.667	-	25.431.877.737	-
Ký quỹ ký cược ngân hàng	6.410.681.969	-	4.620.770.001	-
Công ty Cổ Phần Novareal (*)	20.338.999.164	-	20.338.999.164	-
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	-	-	-	-
Lãi dự thu	299.654.795	-	468.518.350	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	41.354.739	-	3.590.222	-
Cộng	27.090.690.667	-	25.440.029.387	-

(*) Đặt cọc theo bản thỏa thuận số VTV.2-SH02/2023/VBTT/NVR-HVC ngày 28/3/2023, Công ty đặt cọc để ký kết hợp đồng khi bên Công ty Cổ phần Novareal là “Chủ đầu tư dự án Khu nhà ở diện tích 4,2777 ha, tại Phường Thạnh Mỹ Lợi TP Thủ Đức” đủ điều kiện bán Bất động sản.

5.7 Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/03/2025		Thời gian quá hạn	01/01/2025	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Phát triển Địa ốc Cienco 5	> 3 năm	9.600.000.000	(9.600.000.000)	> 3 năm	9.600.000.000	(9.600.000.000)
Công ty TNHH Delta valley Bình Thuận	1 - 2 năm	8.118.447.924	(4.059.223.962)		8.118.447.924	(4.059.223.962)
Công ty Cổ phần Milton	> 3 năm	435.848.744	(435.848.744)	> 3 năm	435.848.744	(435.848.744)
Bệnh viện Đa khoa Kim Thành Hải Dương	> 3 năm	282.800.000	(282.800.000)	> 3 năm	282.800.000	(282.800.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Mỹ An.	2 - 3 năm	1.050.144.045	(957.675.284)	1 - 2 năm	1.050.144.045	(747.675.284)
Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	> 3 năm	629.241.493	(629.241.493)	2 - 3 năm	629.241.493	(629.241.493)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	> 3 năm	648.224.987	(648.224.987)	> 3 năm	648.224.987	(648.224.987)
Cộng		20.764.707.193	(16.613.014.470)		20.764.707.193	(16.403.014.470)

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm 2025 (VND)	Năm 2024 (VND)
-Số đầu kỳ	16.403.014.470	13.934.346.550
-Trích lập dự phòng trong kỳ	210.000.000	2.468.667.920
Số cuối kỳ	16.613.014.470	16.403.014.470

5.8 Hàng tồn kho

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí dở dang	46.898.264.612	-	53.547.310.378	-
Hàng hóa	11.077.319.104	-	10.025.056.210	-
Cộng	57.975.583.716	-	63.572.366.588	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

5.9 Các khoản phải thu dài hạn

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Khoản đặt cọc thuê văn phòng Sài Gòn	28.000.000	28.000.000
Khoản đặt cọc tiền chuyển phát nhanh	5.000.000	5.000.000
Cộng	33.000.000	33.000.000

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
Nguyên giá					
01/01/2025	29.311.291.829	1.268.572.137	4.863.680.673	127.000.000	35.570.544.639
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
31/03/2025	29.311.291.829	1.268.572.137	4.863.680.673	127.000.000	35.570.544.639
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	2.641.569.411	312.675.200	1.942.491.582	127.000.000	5.023.736.193
Giá trị hao mòn					
01/01/2025	8.259.330.520	632.809.462	2.921.602.365	127.000.000	11.940.742.347
Khấu hao trong kỳ	228.862.804	38.397.432	96.363.060	-	363.623.296
31/03/2025	8.488.193.324	671.206.894	3.017.965.425	127.000.000	12.304.365.643
Giá trị còn lại					
01/01/2025	21.051.961.309	635.762.675	1.942.078.311	-	23.629.802.295
31/03/2025	20.823.098.505	597.365.243	1.845.715.248	-	23.266.178.996

Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá (VND)	Giá trị hao mòn lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
01/01/2025	32.000.000	22.399.986	9.600.014
Tăng trong kỳ	-	1.599.999	-
31/03/2025	32.000.000	23.999.985	8.000.015

5.11 Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Quyền sử dụng đất tại Bách Quang, TP Sông Công, Thái Nguyên	2.814.624.000	2.814.624.000
Cộng	2.814.624.000	2.814.624.000

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Mua bất động sản tại xóm Nước Hang, xã Mông Hóa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	31.614.508.367	19.119.854.486
Cộng	31.614.508.367	19.119.854.486

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

5.13 Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	01/01/2025 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Đã Phân bổ chi phí (VND)	31/03/2025 (VND)
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.706.266	8.683.620	27.173.992	5.215.894
Cộng	23.706.266	8.683.620	27.173.992	5.215.894

b. Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2025 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Đã Phân bổ chi phí (VND)	31/03/2025 (VND)
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	127.813.170	101.317.288	35.870.303	193.260.155
Cộng	127.813.170	101.317.288	35.870.303	193.260.155

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các bên liên quan	4.641.928.240	4.641.928.240	-	-
- Công ty TNHH HVC Hưng Yên	4.641.928.240	4.641.928.240	-	-
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	21.597.153.451	21.597.153.451	36.397.511.603	36.397.511.603
- Công ty TNHH đầu tư TM Gia Vinh	2.421.243.064	2.421.243.064	3.441.514.320	3.441.514.320
- CTCP đầu tư và TM ATL	88.149.159	88.149.159	5.756.322.122	5.756.322.122
- YIXING SEA FOUNTAIN	4.588.640.222	4.588.640.222	8.217.265.222	8.217.265.222
- EQUIPMENT CO., Công ty TNHH SX- TM-ĐT- XD Hải Hà	1.166.595.643	1.166.595.643	1.166.595.643	1.166.595.643
- Công ty TNHH TM dịch vụ xây dựng Lê Nguyễn Thảo	682.270.390	682.270.390	682.270.390	682.270.390
- CT Cổ phần Van Shin Yi	184.600.146	184.600.146	897.822.868	897.822.868
- CTCP Confitech 9	455.582.572	455.582.572	455.582.572	455.582.572
- Công ty CP Ademax	5.151.845.600	5.151.845.600	5.151.845.600	5.151.845.600
- Nhà cung cấp khác	6.858.226.655	6.858.226.655	10.732.229.136	10.732.229.136
Cộng	26.239.081.691	26.239.081.691	36.501.447.873	36.501.447.873

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH KT xây dựng Đồng Phong (VN)	3.881.976.444	17.486.560.585
- Công ty CP tập đoàn xây dựng SCG	9.869.383.667	9.869.383.667
- Công ty CP đầu tư địa ốc Vạn Phúc	7.266.166.287	7.266.166.287
- CTCP đầu tư và phát triển Sapa Lào Cai	4.003.875.731	-
- CTCP tư vấn đầu tư và xây dựng Green Việt Nam	1.016.390.009	-
- Các khách hàng khác	578.016.604	6.614.763.608
Cộng	26.615.808.742	41.236.874.147

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/03/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
- Thuế TNDN	2.202.848.434	2.202.848.434	5.799.640.817	5.799.640.817
- Thuế GTGT	759.439.112	759.439.112		
- Thuế thu nhập cá nhân	41.100.030	41.100.030	37.297.449	37.297.449
Cộng	3.003.387.576	3.003.387.576	5.836.938.266	5.836.938.266

Tình hình biến động của các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025		Phát sinh trong kỳ		31/03/2025
	Số phải nộp (VND)	Số đã nộp (VND)	Số phải nộp (VND)	Số đã nộp (VND)	Số phải nộp (VND)
- Thuế GTGT		41.805.569	3.897.407.349	3.096.162.668	759.439.112
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	147.665.997	147.665.997	-
- Thuế nhập khẩu	-	-	34.529.584	34.529.584	-
- Thuế TNDN	5.799.640.817	-	901.883.794	4.498.676.177	2.202.848.434
- Thuế TNCN	37.297.449	-	735.826.829	732.024.248	41.100.030
Cộng	5.836.938.266	41.805.569	5.717.313.553	8.509.058.674	3.003.387.576

5.17 Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2025	01/01/2025
	(VND)	(VND)
Phải trả ngắn hạn khác là bên thứ ba	208.077.400	12.193.449.000
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	208.077.400	-
- Cổ tức cho các cổ đông	-	12.193.449.000
Cộng	208.077.400	12.193.449.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay NH TMCP Kỹ Thương Việt Nam(i)	69.448.414.722	69.448.414.722	20.018.546.035	20.018.546.035
+ Vay bao thanh toán	19.665.477.365	19.665.477.365	20.018.546.035	20.018.546.035
+ Vay ngắn hạn	49.782.937.357	49.782.937.357	-	-
Cộng	69.448.414.722	69.448.414.722	20.018.546.035	20.018.546.035

(i) Phụ lục tái cấp hạn mức tín dụng số HSO20140019/HĐHMTD/PLHM-2804177 ngày 25/02/2025 với giá trị hạn mức là: 250.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng hạn mức là 12 tháng (Từ ngày 25/02/2025 đến ngày 25/02/2026). Tài sản đảm bảo là tài sản, máy móc thiết bị. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

5.19 Dự phòng phải trả

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.367.424.607	2.367.424.607
Cộng	2.367.424.607	2.367.424.607

5.20 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (VND)	Tổng (VND)
01/01/2024	406.448.300.000	(4.390.693.200)	38.487.126.534	440.544.733.334
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	21.990.783.592	21.990.783.592
Tạm ứng cổ tức	-	-	(12.193.449.000)	(12.193.449.000)
31/12/2024	406.448.300.000	(4.390.693.200)	48.284.461.126	450.342.067.926
01/01/2025	406.448.300.000	(4.390.693.200)	48.284.461.126	450.342.067.926
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	3.545.615.139	3.545.615.139
31/03/2025	406.448.300.000	(4.390.693.200)	51.830.076.265	453.887.683.065

Cổ phiếu

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.644.830	40.644.830
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.644.830	40.644.830
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.644.830	40.644.830
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.644.830	40.644.830
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.644.830	40.644.830

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

6.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I năm 2025 (VND)	Quý I năm 2024 (VND)
- Doanh thu bán hàng hóa	162.326.000	5.121.593.019
- Doanh thu thi công lắp đặt công trình	48.523.014.505	92.405.178.628
Tổng doanh thu	48.685.340.505	97.526.771.647

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Quý I năm 2025 (VND)	Quý I năm 2024 (VND)
- Giá vốn bán hàng hóa	154.209.700	4.236.114.009
- Giá vốn thi công lắp đặt công trình	39.380.734.728	79.468.453.620
Tổng giá vốn	39.534.944.428	83.704.567.629

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2025 (VND)	Quý I năm 2024 (VND)
- Lãi tiền gửi	135.541.833	24.440.244
- Tiền chênh lệch tỷ giá	-	105.040.805
Cộng	135.541.833	129.481.049

6.4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2025 (VND)	Quý I năm 2024 (VND)
- Tiền lãi vay	13.304.141	156.799.231
- Tiền chênh lệch tỷ giá	-	30.772.332
Cộng	13.304.141	187.571.563

6.5. Chi phí bán hàng

	Quý I năm 2025 (VND)	Quý I năm 2024 (VND)
- Chi phí bảo hành công trình	12.725.900	11.357.810
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.280.900	7.008.900
Cộng	75.006.800	18.366.710

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I năm 2025 (VND)	Quý I năm 2024 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	3.360.943.730	3.013.794.269
- Chi phí đồ dùng quản lý	110.775.342	87.705.230
- Chi phí khấu hao TSCĐ	353.041.883	418.531.428
- Thuế phí lệ phí	85.350.996	78.094.790
- Chi phí trích dự phòng	210.000.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.869.344	289.609.820
- Chi phí bằng tiền khác	629.004.789	272.640.445
Cộng	4.771.986.084	4.160.375.982

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ HVC

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp C – Hồ Gươm Plaza, 102 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Quý I năm 2025

6.7. Thu nhập khác

	Quý I năm 2025 (VND)	Quý I năm 2024 (VND)
- Thu nhập khác	121.978.049	57.146.139
Cộng	121.978.049	57.146.139

6.8. Chi phí khác

	Quý I năm 2025 (VND)	Quý I năm 2024 (VND)
- Chi phí khác	100.120.001	144.028.749
Cộng	100.120.001	144.028.749

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I năm 2025 (VND)	Quý I năm 2024 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế hiện hành	901.883.794	1.899.697.640
Cộng	901.883.794	1.899.697.640

7 THÔNG TIN KHÁC

7.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

7.2. Tính hoạt động liên tục của Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

Ngày 26 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Bích Thuận

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Cao Hải Ngọc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Cường



**HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK
COMPANY**

**FINANCIAL STATEMENTS
QUARTER I/2025**



HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District,
Hanoi City

BALANCE SHEET

March 31, 2025

Unit: VND

ASSET	Code	Note	31/03/2025	01/01/2025
SHORT-TERM ASSETS	100		246,768,484,472	247,395,128,337
Cash and cash equivalents	110	5.1	24,391,207,997	27,833,300,172
Cash	111		11,566,735,126	10,021,722,046
Cash equivalents	112		12,824,472,871	17,811,578,126
Short-term financial investments	120	5.2a	18,875,682,272	25,278,541,524
Trading securities	121		-	-
Provision for impairment of trading securities (*)	122		-	-
Investments held to maturity	123		18,875,682,272	25,278,541,524
Short-term receivables	130		145,520,794,593	130,062,414,515
Short-term receivables from customers	131	5.3	82,925,337,178	80,994,829,100
Short-term prepayments to suppliers	132	5.4	26,306,203,136	3,023,940,361
Short-term internal receivables	133		-	-
Construction contract progress receivables	134		-	-
Short-term loan receivables	135	5.5	25,811,578,082	37,006,630,137
Other short-term receivables	136	5.6	27,090,690,667	25,440,029,387
Provision for short-term doubtful receivables (*)	137	5.7	(16,613,014,470)	(16,403,014,470)
Assets in short supply pending resolution	139		-	-
Inventories	140		57,975,583,716	63,572,366,588
Inventories	141	5.8	57,975,583,716	63,572,366,588
Provision for inventory price reduction (*)	149		-	-
Other short-term assets	150		5,215,894	648,505,538
Short-term prepaid expenses	151	5.13a	5,215,894	23,706,266
Deductible VAT	152		-	582,993,703
Taxes and other receivables from the State	153		-	41,805,569
Government bond repurchase transactions	154		-	-
Other short-term assets	155		-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

BALANCE SHEET

March 31, 2025

Unit: VND

ASSET	Code	Note	31/03/2025	01/01/2025
LONG-TERM ASSETS	200		337,139,571,533	324,944,693,962
Long-term receivables	210	5.9	33,000,000	33,000,000
Long-term receivables from customers	211		-	-
Long-term advances to suppliers	212		-	-
Working capital at affiliated units	213		-	-
Long-term internal receivables	214		-	-
Long-term loan receivables	215		-	-
Other long-term receivables	216		33,000,000	33,000,000
Provision for long-term doubtful receivables (*)	219		-	-
Fixed assets	220		23,274,179,011	23,639,402,306
Tangible fixed assets	221	5.10	23,266,178,996	23,629,802,292
- Original cost	222		35,570,544,639	35,570,544,639
- Accumulated depreciation (*)	223		(12,304,365,643)	(11,940,742,347)
Fixed assets under finance lease	224		-	-
- Original cost	225		-	-
- Accumulated depreciation (*)	226		-	-
Intangible fixed assets	227		8,000,015	9,600,014
- Original cost	228		32,000,000	32,000,000
- Accumulated depreciation (*)	229		(23,999,985)	(22,399,986)
Investment real estate	230	5.11	2,814,624,000	2,814,624,000
- Original cost	231		2,814,624,000	2,814,624,000
- Accumulated depreciation (*)	232		-	-
Long-term unfinished assets	240		31,614,508,367	19,119,854,486
Long-term unfinished production and business costs	241		-	-
Unfinished construction costs	242	5.12	31,614,508,367	19,119,854,486
Long-term financial investments	250	5.2b	279,210,000,000	279,210,000,000
Investment in subsidiaries	251		230,790,000,000	230,790,000,000
Investment in joint ventures and associates	252		48,420,000,000	48,420,000,000
Investment in other entities	253		-	-
Provision for long-term financial investments (*)	254		-	-
Investments held to maturity	255		-	-
Other long-term assets	260		193,260,155	127,813,170
Long-term prepaid expenses	261	5.13b	193,260,155	127,813,170
Deferred tax assets	262		-	-
Long-term equipment, supplies, spare parts	263		-	-
Other long-term assets	268		-	-
TOTAL ASSETS	270		583,908,056,005	572,339,822,299

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District,
Hanoi City

BALANCE SHEET (Continued)

March 31, 2025

Unit: VND

CAPITAL SOURCES	Code	Note	31/03/2025	01/01/2025
LIABILITIES PAYABLE	300		130,020,372,940	121,997,754,373
Short-term debt	310		130,020,372,940	121,997,754,373
Short-term trade payables	311	5.14	26,239,081,691	36,501,447,873
Short-term advance payments from buyers	312	5.15	26,615,808,742	41,236,874,147
Taxes and amounts payable to the State	313	5.16	3,003,387,576	5,836,938,266
Payables to employees	314		2,138,178,202	3,843,074,445
Short-term payable expenses	315		-	-
Short-term internal payables	316		-	-
Payables according to construction contract progress	317		-	-
Short-term unearned revenue	318		-	-
Other short-term payables	319	5.17	208,077,400	12,193,449,000
Short-term borrowings and financial leasing debts	320	5.18	69,448,414,722	20,018,546,035
Short-term provisions for payables	321	5.19	2,367,424,607	2,367,424,607
Bonus and welfare funds	322		-	-
Price stabilization funds	323		-	-
Government bond repurchase transactions	324		-	-
Long-term debt	330		-	-
Long-term trade payables	331		-	-
Long-term advance payments from buyers	332		-	-
Long-term accrued expenses	333		-	-
Internal working capital payables	334		-	-
Long-term internal payables	335		-	-
Long-term unearned revenue	336		-	-
Other long-term payables	337		-	-
Long-term borrowings and finance leases	338		-	-
Convertible bonds	339		-	-
Preferred shares	340		-	-
Deferred income tax payables	341		-	-
Long-term provisions	342		-	-
Science and technology development fund	343		-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

BALANCE SHEET (Continued)

March 31, 2025

Unit: VND

CAPITAL SOURCES	Code	Note	31/03/2025	01/01/2025
EQUITY	400		453,887,683,065	450,342,067,926
Equity	410	5.20	453,887,683,065	450,342,067,926
Owner's capital	411		406,448,300,000	406,448,300,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		406,448,300,000	406,448,300,000
- Preferred shares	411b		-	-
Share premium	412		(4,390,693,200)	(4,390,693,200)
Bond conversion options	413		-	-
Other owners' capital	414		-	-
Treasury shares (*)	415		-	-
Asset revaluation differences	416		-	-
Exchange rate differences	417		-	-
Development investment fund	418		-	-
Business arrangement support fund	419		-	-
Other funds belonging to owners' capital	420		-	-
Undistributed profit after tax	421		51,830,076,265	48,284,461,126
- Undistributed profit after tax accumulated to the end of the previous period	421a		48,284,461,126	38,487,126,534
- Undistributed profit after tax in this period	421b		3,545,615,139	9,797,334,592
Investment capital for basic construction	422		-	-
Funding sources	430		-	-
Funding sources	431		-	-
Funding sources for forming fixed assets	432		-	-
TOTAL CAPITAL	440		583,908,056,005	572,339,822,299

April 26, 2025

PREPARED BY**CHIEF ACCOUNTANT****GENERAL DIRECTOR****Nguyen Thi Bich Thuan****Cao Hai Ngoc****Le Van Cuong**

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

INCOME STATEMENT

Quarter I of 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Quarter I of 2025	Quarter I of 2024
Sales and service revenue	1	6.1	48,685,340,505	97,526,771,647
Revenue deductions	2		-	-
Net revenue from sales and services	10	6.1	48,685,340,505	97,526,771,647
Cost of goods sold	11	6.2	39,534,944,428	83,704,567,629
Gross profit from sales and service provision	20		9,150,396,077	13,822,204,018
Financial Revenue	21	6.3	135,541,833	129,481,049
Financial Expenses	22	6.4	13,304,141	187,571,563
In which: Interest expense	23		13,304,141	156,799,231
Selling expenses	25	6.5	75,006,800	18,366,710
Administrative expenses	26	6.6	4,771,986,084	4,160,375,982
Net operating profit	30		4,425,640,885	9,585,370,812
Other Income	31	6.7	121,978,049	57,146,139
Other Expenses	32	6.8	100,120,001	144,028,749
Other Profits	40		21,858,048	(86,882,610)
Total Accounting Profit Before Tax	50		4,447,498,933	9,498,488,202
Current corporate income tax expense	51	6.9	901,883,794	1,899,697,640
Deferred corporate income tax expense	52		-	-
Profit after corporate income tax	60		3,545,615,139	7,598,790,562

April 26, 2025

PREPARED BY

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CASH FLOW STATEMENT (Indirect method)

Quarter I of 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
CASH FLOW FROM OPERATING ACTIVITIES			
Profit before tax	01	4,447,498,933	9,498,488,202
Adjustments for items			
- Depreciation of fixed assets and investment real estate	02	365,223,295	455,340,915
- Provisions	03	210,000,000	-
- Exchange rate gains and losses due to revaluation of foreign currency items	04	-	-
- Investment gains and losses	05	(126,390,724)	(24,440,244)
- Interest expense	06	13,304,141	156,799,231
- Other adjustments	07	-	-
Profit from business activities before changes in working capital	08	4,909,635,645	10,086,188,104
- Increases and decreases in receivables	09	(39,323,495,746)	22,759,135,355
- Increases and decreases in inventories	10	5,596,782,872	20,559,037,400
- Increases and decreases in payables (excluding interest payable, corporate income tax payable)	11	(25,026,799,733)	(66,220,444,539)
- Increases and decreases in prepaid expenses	12	(46,956,613)	(15,134)
- Increases and decreases in trading securities	13	-	-
- Interest paid	14	(13,304,141)	(156,799,231)
- Corporate income tax paid	15	(4,498,676,177)	(1,600,000,000)
- Other cash receipts from business activities	16	-	-
- Other cash payments from business activities	17	-	-
Net cash flow from operating activities	20	(58,402,813,893)	(14,572,898,045)
CASH FLOW FROM INVESTING ACTIVITIES			
Cash spent on purchasing and constructing fixed assets and other long-term assets	21	-	(3,793,467,387)
Cash received from liquidation and sale of fixed assets and other long-term assets	22	-	-
Cash spent on lending and purchasing debt instruments of other entities	23	(5,603,456,000)	-
Cash recovered from lending and reselling debt instruments of other entities	24	23,201,367,307	-
Cash spent on investing in capital contributions of other entities	25	-	-
Cash recovered from investing in capital contributions of other entities	26	-	-
Cash received from lending interest, dividends and profits shared	27	126,390,724	24,440,244
Net cash flow from investing activities	30	17,724,302,031	(3,769,027,143)
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from issuing shares, receiving capital contributions from owners	31	-	-
Capital contributions paid to owners, repurchase of	32	-	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

CASH FLOW STATEMENT (Indirect method)

Quarter I of 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	From 01/01/2025 to 31/03/2025	From 01/01/2024 to 31/03/2024
issued shares of the enterprise			
Proceeds from borrowing	33	50,800,122,676	43,453,878,130
Principal repayment	34	(1,370,253,989)	(48,572,392,311)
Financial lease repayment	35	-	-
Dividends, profits paid to owners	36	(12,193,449,000)	-
Net cash flow from financing activities	40	37,236,419,687	(5,118,514,181)
NET CASH FLOW DURING THE YEAR	50	(3,442,092,175)	(23,460,439,369)
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	27,833,300,172	33,058,676,241
Impact of foreign exchange rate changes on foreign currency conversion	61	-	-
Cash and cash equivalents at year end	70	24,391,207,997	9,598,236,872

April 26, 2025

PREPARED BY

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

Notes to the separate financial statements

Quarter I of 2025

1 BUSINESS CHARACTERISTICS**Form of capital ownership**

HVC Investment And Technology Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") is an enterprise established in Vietnam under the Business Registration Certificate No. 0104606490, registered for the first time on April 23, 2010, registered for the 23rd change (most recently) on August 16, 2023, issued by the Hanoi Authority for Planning and Investment.

The Company's charter capital as of December 31, 2025 is: 406,448,300,000 VND.

The Company's stock code is HVH.

Main business lines and activities

The main activities of the Company are: providing and installing high-end entertainment equipment such as: ice skating rinks, ocean aquariums, water parks, swimming pools and M&E system installation activities.

During the accounting period from January 1, 2025 to December 31, 2025, the provision and installation of high-end entertainment equipment such as ice skating rinks, ocean aquariums, water parks, swimming pools and M&E system installation activities will affect the financial situation and business performance of the Company.

Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle is carried out within a period of no more than 12 months.

Corporate structure

The company is headquartered at Floor 8, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City.

The Company's subsidiaries as of December 31, 2025 include:

Name	Voting rights ratio	Capital contribution ratio	Rate of Benefit
Subsidiary:			
HVC Hung Yen Co., Ltd.	99,00%	99,00%	99,00%
HVC Electricity Total Contractor Company Limited	90,00%	90,00%	90,00%
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited	95,00%	95,00%	95,00%
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company	99,00%	99,00%	99,00%
HVC Investment And Ho Guom Hoa Binh Company Limited	70,00%	70,00%	70,00%

The Company's affiliated units as of December 31, 2025 include:

Name	Address
HVC Investment And Technology Joint Stock Company Branch – Hai Phong	Village 4, Thuy Son commune, Thuy Nguyen district, Hai Phong city
HVC Investment And Technology Joint Stock Company Branch – Ho Chi Minh City	2nd Floor, Sophie Building, No. 277B Do Xuan Hop, Phuoc Long B Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

2 BASES FOR PREPARING SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

Accounting standards and accounting regime

Separate financial statements are prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Enterprise Accounting Regime issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 of the Ministry of Finance, Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016 of the Ministry of Finance amending and supplementing a number of articles of Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 guiding the enterprise accounting regime.

3 FISCAL YEAR, CURRENCY USED IN ACCOUNTING

The Company's fiscal year begins on January 1 and ends on December 31 of the calendar year. The currency used in accounting is Vietnamese Dong (VND).

4 SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The accounting policies applied in the presentation of these separate financial statements are consistent with the accounting policies applied in the presentation of the Company's 2024 separate financial statements.

4.1. Accounting estimates

The preparation and presentation of the Company's separate financial statements for the first quarter of 2025 in accordance with Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting Regime, requiring the Board of Directors to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and the disclosure of contingent liabilities and assets at the end of the fiscal year as well as the reported amounts of revenue and expenses during the fiscal year. Actual business results may differ from the estimates and assumptions made.

4.2. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand, bank deposits (no term).

Cash equivalents are short-term investments with a recovery or maturity of not more than 3 months that are readily convertible to a known amount of cash and are subject to no risk of conversion to cash since the date of purchase of the investment at the reporting date.

4.3. Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than Vietnamese Dong (VND) are converted into Vietnamese Dong at the actual exchange rate at the time of the transaction. Exchange rate differences realized during the fiscal year are recorded as financial expenses or income in the fiscal year.

Exchange rate differences arising from revaluation of balances at the end of the financial year are recorded as financial expenses or income in the financial year.

4.4. Accounts receivable

Receivables are presented in the separate financial statements at the carrying amount of receivables from the Company's customers and other receivables plus allowance for doubtful debts. At the reporting date, if:

- Receivables with a collection or payment period of less than 1 year (or within a business production cycle) are classified as Short-term assets;

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

- Receivables with a collection or payment period of more than 1 year (or more than one business production cycle) are classified as Long-term assets;

Provision for doubtful debts represents the estimated loss due to non-payment arising on receivables outstanding at the end of the financial year.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more or receivables that are unlikely to be paid by the debtor due to liquidation, bankruptcy or similar difficulties (excluding overdue customers who are making payments or have committed to making payments in the near future).

4.5. Inventory

Inventories are stated at the lower of original cost and net realizable value.

The cost of inventories includes costs of purchase, processing and other directly related costs incurred in bringing the inventories to their location and condition for their intended use.

Net realizable value of inventories is determined as the estimated selling price less the estimated costs to sell the inventories.

The Company applies the perpetual inventory method to account for inventories with values determined as follows:

- | | |
|----------------------|--|
| - Unfinished product | Cost of raw materials and direct labor costs plus general manufacturing costs for each project |
| - Goods | Weighted average |

4.6. Fixed assets and depreciation of fixed assets

Fixed assets are stated at original cost and accumulated depreciation.

Tangible fixed assets

The cost of tangible fixed assets includes the purchase price and any costs directly attributable to bringing the asset to its working condition. The original cost of self-made or self-constructed tangible fixed assets includes construction costs, actual production costs incurred, plus installation and testing costs. The costs of upgrading tangible fixed assets are capitalized, increasing the cost of fixed assets; maintenance and repair costs are included in the income statement for the year. When tangible fixed assets are sold or liquidated, the cost and accumulated depreciation are written off and any gains or losses arising from the liquidation of tangible fixed assets are included in the income statement.

Depreciation of tangible fixed assets is calculated using the straight-line method, applied to all assets at the rate calculated to allocate the original cost over the estimated period of use and in accordance with the guidance in Circular No. 45/2013/TT-BTC dated April 25, 2013 of the Ministry of Finance on guiding the Management, Use and Depreciation Regime of Fixed Assets, Circular No. 147/2016/TT-BTC dated October 13, 2016 amending and supplementing a number of articles of Circular No. 45/2013/TT-BTC and Circular No. 28/2017/TT-BTC dated April 12, 2017 amending and supplementing a number of articles of Circular No. 45/2013/TT-BTC.

The depreciation period of the company's tangible fixed assets is as follows:

- | | |
|---------------------------------------|--------------|
| - Houses and structures | 25 – 50 year |
| - Machinery and equipment | 05 – 07 year |
| - Means of transport and transmission | 06 – 08 year |

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

- Other fixed assets

04 – 06 year

4.7. Financial investments

Financial investments are accounted for using the cost method. The Company only recognizes as income the portion of the accumulated net profit of the investee arising after the date of investment. Any other portion received by the Company/Parent Company other than the profit is considered as a recovery of investments and is recorded as a reduction in the cost of the investment.

Financial investments at the reporting date, if;

- (i) Having a recovery or maturity period of not more than 90 days from the date of purchase, the investment is considered a "cash equivalent" ;
- (ii) Having a capital recovery period of less than 1 (one) year or within 1 (one) business cycle are classified as short-term assets;
- (iii) Having a capital recovery period of more than 1 (one) year or more than 1 (one) business cycle are classified as long-term assets (long-term financial investments).

Long-term financial investments

Investments in subsidiaries over which the Company has control are accounted for using the cost method.

Distributions from the accumulated profits of a subsidiary received by the Company subsequent to the date on which the Company obtains control are recognized in the Company's income statement. Other distributions are considered a return on investment and are deducted from the investment value.

The investment devaluation reserve established at the end of the fiscal year is the difference between the original cost of investments recorded in the accounting books and their market value at the time of making the reserve. The provision and reversal of investment devaluation reserves are implemented in accordance with Circular 228/2009/TT-BTC issued on December 7, 2009 and Circular 89/2013/TT-BTC dated June 28, 2013 of the Ministry of Finance amending and supplementing Circular 228/2009/TT-BTC issued on December 7, 2009.

Held to maturity investments

Held-to-maturity investments include those investments that the Company has the intention and ability to hold until maturity. Held-to-maturity investments include: Term bank deposits with the purpose of earning periodic interest.

Held-to-maturity investments are recognized on the date of acquisition and are initially measured at cost, including the purchase price and costs associated with the purchase of investments. Interest income from investments held to maturity after the acquisition date is recognized in the Income Statement on an accrual basis. Interest earned before the Company holds the investment is deducted from the cost at the acquisition date.

Held-to-maturity investments are measured at cost less allowance for doubtful debts.

Provision for doubtful debts of investments held to maturity is made in accordance with current accounting regulations.

4.8. Prepaid expenses

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

Prepaid expenses include tools and equipment, the value of assets that do not qualify as fixed assets, major repair costs of fixed assets and other prepaid expenses. Prepaid expenses will be gradually allocated to production and business expenses over a reasonable period of time from the time they arise.

4.9. Liabilities

Liabilities are presented in the separate financial statements at the book value payable to the Company's suppliers and other payables and are detailed for each payable entity. At the reporting date, if:

- Liabilities with a payment term of less than 1 year (or within a business production cycle) are classified as short-term.
- Liabilities with a payment term of more than 1 year (or more than one business production cycle) are classified as long-term.

4.10. Expenses payable

Payable expenses include the value of expenses that have been included in the operating expenses of the fiscal year, but have not been actually paid at the end of the fiscal year, including expenses related to the cost of providing services and business management expenses. When such expenses actually arise, if there is a difference with the amount deducted, the accountant will record additional or reduce the expenses corresponding to the difference.

4.11. Borrowing costs

Borrowing costs are recognized as expenses when incurred. Where borrowing costs are directly attributable to the acquisition, construction or production of an asset that takes a substantial period of time (over 12 months) to get ready for its intended use or sale, these borrowing costs are capitalized.

For general borrowings used for the purpose of investing in construction or production of unfinished assets, the capitalized borrowing costs are determined according to the capitalization rate for the weighted average cumulative costs incurred for the investment in basic construction or production of that asset. The capitalization rate is calculated according to the weighted average interest rate of the outstanding loans during the year, except for separate loans serving the purpose of forming a specific asset.

4.12. Provisions for payables

Principles for recording provisions for payables: Provisions for payables are recorded when the following conditions are satisfied:

- The enterprise has a present obligation (legal or constructive) as a result of a past event.;
- It is probable that an outflow of economic benefits will be required to settle the obligation; and
- Provide a reliable estimate of the value of that liability.

The provision for payables is established at the time of preparing the separate financial statements. In case the provision for payables to be established in this accounting period is greater than the provision for payables established in the previous accounting period that has not been fully used, the difference shall be recorded in the production and business expenses of that accounting period. In case the provision for payables established in this accounting period is less than the provision for payables established in the previous accounting period that

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

has not been fully used, the difference shall be reversed and recorded as a reduction in the production and business expenses of that accounting period.

The Company's provisions for payables include: Construction and installation warranty costs. This is a provision for product warranties established for each construction and installation project with a warranty commitment at a provision level according to commitments to customers. The Company's provision for warranty costs in the first quarter of 2025 is estimated according to the warranty provision policy, specifically as follows:

- For projects with a goods weight ratio of 80% or more, installation labor and auxiliary materials accounting for less than 20%, due to the warranty policy from the supplier, the Company does not set up warranty provisions for these projects.
- For projects with goods accounting for less than 75%, installation labor and auxiliary materials accounting for 25% or more, the Company shall set up warranty reserves for the above projects according to the warranty commitment ratio in each contract but not exceeding 5% of the total contract value.

4.13. Equity

Owner's equity

Owner's equity: Recorded according to the actual amount invested by shareholders.

Funds

Funds are set aside and used according to the Company Charter.

Profit distribution

Profit after corporate income tax is distributed to shareholders after setting aside funds according to the Company's Charter as well as legal regulations and approved by the General Meeting of Shareholders.

The distribution of profits to shareholders takes into account non-monetary items in undistributed profits after tax that may affect cash flow and the ability to pay dividends such as interest on revaluation of contributed assets, interest on revaluation of monetary items, financial instruments and other non-monetary items.

Dividends are recognized as liabilities when approved by the General Meeting of Shareholders.

4.14. Revenue

Revenue is recognized when the outcome of a transaction can be measured reliably and it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company.

- (i) Revenue from sales is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have been transferred to the buyer and the goods have been delivered to the buyer and accepted by the customer.
- (ii) Construction revenue is recognized corresponding to the completed work confirmed by customers during the period, when the Company ensures to receive benefits from the construction contract and the cost to complete the completed work at the time of preparing the Interim Financial Statements can be calculated reliably.
- (iii) Revenue from providing services is recognized when the majority of risks and benefits have been transferred to the customer, the service has been provided and accepted by the customer.

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

- (iv) Financial revenue includes revenue arising from deposit interest, loan interest, exchange rate difference interest, and other financial revenue. Deposit interest and loan interest are determined on an accrual basis, determined on the balance of deposits and applicable interest rates.

4.15. Financial operating expenses

The Company's financial operating expenses include interest expenses on loans, realized exchange rate losses, exchange rate losses due to year-end revaluation of foreign currency items, and provisions for long-term financial investments.

Financial expenses are recorded in detail for each actual expense item incurred during the period and are reliably determined when there is sufficient evidence of these expenses.

4.16. Taxes

Value Added Tax (VAT):

The VAT rate for the Company's services is 8%.

Corporate Income Tax (CIT):

The company is subject to a corporate income tax rate of 20%.

Corporate income tax ("CIT") expense for the year, if any, comprises current income tax and deferred income tax.

Current income tax is the tax payable on taxable income for the year using the tax rate applicable in the financial year. Taxable income differs from accounting profit due to adjustments for temporary differences between tax accounting and financial accounting as well as adjustments for non-taxable or non-deductible income or expenses.

Deferred income tax is the income tax payable or recovered from the enterprise due to temporary differences between the carrying amount of assets and liabilities for financial reporting purposes and their taxable values. Deferred income tax is recognized for all taxable temporary differences.

Deferred income tax assets are recognized only when it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary differences can be utilized.

Other taxes: According to current regulations of Vietnam.

4.17. Financial instruments

Initial Recognition

Financial assets: At the date of initial recognition, financial assets are recorded at cost plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of the financial assets. The Company's financial assets include cash, cash equivalents, trade receivables, other receivables, deposits, financial investments and derivative financial instruments.

Financial liabilities: At the date of initial recognition, financial liabilities are recorded at cost plus transaction costs directly attributable to the issuance of such financial liabilities. The Company's financial liabilities include trade payables, other payables, accrued expenses, finance lease liabilities, loans and derivative financial instruments.

Re-evaluating after initial recognition

Currently, there are no regulations on revaluation of financial instruments after initial recognition.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

4.18 Related Parties

The presentation of related party relationships and transactions between enterprises and related parties is carried out in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 26 "Information on related parties" issued and announced under Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated December 31, 2003 of the Minister of Finance and Circular No. 161/2007/TT-BTC "Guiding the implementation of sixteen (16) Accounting Standards issued under Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated December 31, 2001, Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated December 31, 2002 and Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated December 30, 2003 of the Minister of Finance" issued on December 31, 2007, specifically:

Related parties are considered to be related if one party has the ability to control or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Related parties include: Enterprises - including parent companies, subsidiaries, and associates - individuals that directly or indirectly through one or more intermediaries, control, or have control of the Company or are controlled by, or are under common control with, the Group of Companies. Associated parties, individuals who directly or indirectly own an interest in the voting power of the Company that gives them significant influence over the Company, key management personnel such as the General Director, officers of the Company, close members of the family of these individuals or these associated parties, and companies associated with these individuals are also considered related parties.

In considering each possible related party relationship, attention is directed to the substance of the relationship, not merely the legal form.

4.19. Basic Earnings/Loss per Share

The Company does not calculate this item on the Separate Financial Statements because according to the provisions of Vietnamese Accounting Standard No. 30 "Earnings per share", in case an enterprise must prepare both Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements, it only has to present information on earnings per share according to the provisions of this standard on the Consolidated Financial Statements.

5 ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE SEPARATE BALANCE SHEET**5.1 Cash and cash equivalents**

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Cash	939,481,715	9,236,059
Bank deposits	10,627,253,411	10,012,485,987
Cash equivalents(i)	12,824,472,871	17,811,578,126
Total	24,391,207,997	27,833,300,172

(i) Term deposits according to contracts at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank; term from 01 month to 03 months; interest rate 2.7%/year to 4.4%/year.

5.2 Financial investments**a. Short-term financial investments**

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
3-month bank deposit	18,875,682,272	25,278,541,524
Total	18,875,682,272	25,278,541,524

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

b. Long-term financial investment

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Original price	Provision	Fair value	Fair value
Investment in Subsidiaries	230,790,000,000	-	(*) 230,790,000,000	(*)
HVC Hung Yen Co., Ltd. (i)	59,400,000,000	-	(*) 59,400,000,000	(*)
HVC Electricity Total Contractor Company Limited (ii)	27,000,000,000	-	(*) 27,000,000,000	(*)
HVC Park Entertainment Equipment Company Limited (iii)	28,500,000,000	-	(*) 28,500,000,000	(*)
Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company (iv)	10,890,000,000	-	(*) 10,890,000,000	(*)
HVC Investment And Ho Guom Hoa Binh Company Limited (v)	105,000,000,000	-	(*) 105,000,000,000	(*)
Investment in joint ventures and associates	48,420,000,000	-	(*) 48,420,000,000	(*)
Chi Thanh Joint Stock Company (vi)	48,420,000,000	-	(*) 48,420,000,000	(*)
Total	279,210,000,000	-	(*) 279,210,000,000	(*)

(i) The company was established under the Business Registration Certificate No. 0900982165 dated January 11, 2016, most recently changed (4th time) on February 21, 2022 issued by the Department of Planning and Investment of Hung Yen province. The charter capital according to the Business Registration Certificate changed for the fourth time on February 21, 2022 is VND 60,000,000,000. The capital ratio of HVC Investment And Technology Joint Stock Company in HVC Hung Yen Company Limited is VND 59,400,000,000, corresponding to 99.00% of the charter capital. The actual contributed capital as of March 31, 2025 of HVC Investment And Technology Joint Stock Company in HVC Hung Yen Company Limited is 59,400,000,000 VND.

(ii) The company was established under the Business Registration Certificate No. 0108433496 dated September 14, 2018 issued by the Hanoi Department of Planning and Investment. The charter capital according to the Business Registration Certificate is VND 30,000,000,000. The capital ratio of HVC Investment And Technology Joint Stock Company in HVC Electricity Total Contractor Company Limited is 27,000,000,000 VND, equivalent to 90.00% of the charter capital. The actual contributed capital as of March 31, 2025 of HVC Investment And Technology Joint Stock Company in HVC Electricity Total Contractor Company Limited is 27,000,000,000 VND.

(iii) The company was established under the Business Registration Certificate No. 0108761458 dated May 29, 2019 issued by the Hanoi Authority for Planning and Investment. The charter capital according to the business registration certificate is 30,000,000,000 VND. The capital ratio of HVC

The notes to the separate financial statements are an integral part of the separate financial statements

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

Investment And Technology Joint Stock Company in HVC Park Entertainment Equipment Company Limited is 28,500,000,000 VND, equivalent to 95.00% of the charter capital. The actual contributed capital as of March 31, 2025 of HVC Investment And Technology Joint Stock Company in HVC Park Entertainment Equipment Company Limited is 27,000,000,000 VND.

(iv) The company was established under the Business Registration Certificate No. 5400536676 dated November 23, 2022, most recently changed (first time) on March 16, 2024 issued by the Department of Planning and Investment of Hoa Binh province. The charter capital according to the first change of the Business Registration Certificate on March 16, 2024 is 11,000,000,000 VND. The capital ratio of HVC Investment And Technology Joint Stock Company in Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company is VND 10,890,000,000, corresponding to 99.00% of the charter capital. The actual contributed capital as of March 31, 2025 of HVC Investment And Technology Joint Stock Company in Lakehill Investment and Tourism Joint Stock Company is 10,890,000,000 VND.

(v) The company was established under the Business Registration Certificate No. 5400543722 dated December 1, 2023 issued by the Department of Planning and Investment of Hoa Binh province. The charter capital according to the business registration certificate is 150,000,000,000 VND. The capital ratio of HVC Investment And Technology Joint Stock Company in HVC Investment And Ho Guom Hoa Binh Company Limited is 105,000,000,000 VND, equivalent to 70.00% of the charter capital. The actual contributed capital as of March 31, 2025 of HVC Investment And Technology Joint Stock Company in HVC Investment And Ho Guom Hoa Binh Company Limited is 105,000,000,000 VND.

(vi) Investment in Chi Thanh Joint Stock Company according to Resolution of the Board of management No. 14/HVC/2020/NQHDQT dated September 5, 2020 through capital contribution to purchase shares of Chi Thanh Joint Stock Company to implement the investment project "Afforestation villa garden area combined with eco-tourism" in Mong Hoa commune, Ky Son district, Hoa Binh province with a total project area of about 40 hectares. The Company invested an amount of VND 48,420,000,000, accounting for 20.00% of the charter capital of this Company. Chi Thanh Joint Stock Company operates under Investment Certificate No. 25121000281 dated January 24, 2011 issued by the People's Committee of Hoa Binh Province and Business Registration Certificate No. 5400233946, registered for the first time on September 9, 2008, registered for the 3rd change (most recently) on March 5, 2020 issued by the Department of Planning and Investment of Hoa Binh Province.

(*) Regarding the determination of fair value of financial assets and liabilities for disclosure purposes as prescribed in Article 28 of Circular 210/2009/TT-BTC dated November 6, 2009 of the Ministry of Finance, because there is no listed market value for the financial assets and liabilities of the above Companies and Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System does not provide guidance on how to calculate fair value in the absence of listed market value, the Company has not determined the fair value of these financial assets and liabilities for disclosure purposes. The fair value of the above financial assets and liabilities may differ from the carrying value.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

5.3 Short-term receivables from customers

	31/03/2025	01/01/2025
	(VND)	(VND)
Customers are stakeholders	472,695,378	-
- HVC Park Entertainment Equipment	472,695,378	-
Independent customers	82,452,641,800	80,994,829,100
- Kimboi Trade And Travel Joint Stock Company	6,015,038,554	3,651,794,045
- Hung Yen Branch - Vinhomes Joint Stock Company	21,178,861,159	21,396,804,442
- Smart Pool Joint Stock Company	3,534,574,770	6,534,574,770
- Cat Hai Construction Company Limited	1,569,206,695	14,063,860,576
- Cienco5 Land Development Corporation	9,600,000,000	9,600,000,000
- CNC Technology Solutions Joint Stock Company	15,017,097,000	-
- Delta-Valley Binh Thuan Company Limited	8,118,447,923	8,118,447,924
- Other customers	17,419,502,699	17,629,347,343
Total	85,925,337,178	80,994,829,100

5.4 Short-term prepayments to sellers

	31/03/2025	01/01/2025
	(VND)	(VND)
- Song Thao Investment Joint Stock Company	22,978,846,000	-
- Baleine Co., Ltd.	486,275,200	486,275,200
- CID Vietnam Joint Stock Company	346,000,000	346,000,000
- HIKARU Investment and Development Co., Ltd.	296,687,700	304,586,700
- Viettel Construction Joint Stock Company	-	537,553,462
- Other suppliers	2,198,394,236	1,349,524,999
Total	26,306,203,136	3,023,940,361

5.5 Short-term loan receivables

	31/03/2025	01/01/2025
	(VND)	(VND)
- Hoa Binh Lake Company borrows money(i)	17,704,947,945	28,900,000,000
- Nguyen Viet Thang (ii)	8,106,630,137	8,106,630,137
Total	25,811,578,082	37,006,630,137

(i) Loan contracts for subsidiaries with a term of 12 months, interest rate of 7%-7.554%/year

(ii) The loan amount to Mr. Nguyen Viet Thang on February 15, 2023. On October 2, 2023, the company signed a contract to buy back 10% of the capital contribution at Song Thao Company Limited from Mr. Nguyen Viet Thang with a transfer value of VND 11,106,630,137. The loan will be offset against the transfer amount payable to Mr. Nguyen Viet Thang when the transfer procedure is completed. However, due to the fact that the transfer procedure has not been completed, Mr. Nguyen Viet Thang has temporarily returned a part of the loan and will continue to return the full loan if the transfer procedure is not completed. The loan is secured by assets.

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

5.6 Other receivables

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Value	Provision	Value	Provision
Advances	-	-	8,151,650	-
Receivables from other organizations and individuals	27,090,690,667	-	25,431,877,737	-
Bank Deposits	6,410,681,969	-	4,620,770,001	-
Novareal Joint Stock Company (*)	20,338,999,164	-	20,338,999,164	-
Other deposits	-	-	-	-
Accrued Interest	299,654,795	-	468,518,350	-
Other Short-term Receivables	41,354,739	-	3,590,222	-
Total	27,090,690,667	-	25,440,029,387	-

(*)Deposit according to agreement No. VTV.2-SH02/2023/VBTT/NVR-HVC dated March 28, 2023, the Company deposits to sign a contract when Novareal Joint Stock Company, the "Investor of the Residential Area Project with an area of 4.2777 hectares, in Thanh My Loi Ward, Thu Duc City" is eligible to sell Real Estate.

5.7 Provision for doubtful debts

	31/03/2025			01/01/2025		
	Overdue Time	Original Price	Provision	Overdue Time	Original Price	Provision
Cienco5 Land Development Corporation	> 3 years	9,600,000,000	(9,600,000,000)	> 3 years	9,600,000,000	(9,600,000,000)
Delta-Valley Binh Thuan Company Limited	1 - 2 years	8,118,447,924	(4,059,223,962)		8,118,447,924	(4,059,223,962)
Milton Joint Stock Company	> 3 years	435,848,744	(435,848,744)	> 3 years	435,848,744	(435,848,744)
Kim Thanh Hai Duong General Hospital	> 3 years	282,800,000	(282,800,000)	> 3 years	282,800,000	(282,800,000)
My An Tourist Joint Stock Company	2 - 3 years	1,050,144,045	(957,675,284)	1 - 2 years	1,050,144,045	(747,675,284)
Rivera Investment Joint Stock Company	> 3 years	629,241,493	(629,241,493)	2 - 3 years	629,241,493	(629,241,493)
Receivables from other organizations and individuals	> 3 years	648,224,987	(648,224,987)	> 3 years	648,224,987	(648,224,987)
Total		20,764,707,193	(16,403,014,470)		20,764,707,193	(16,403,014,470)

Changes in provisions for short-term doubtful receivables:

	In 2025 (VND)	In 2024 (VND)
- Beginning balance	16,403,014,470	13,934,346,550
- Provisions for the period	210,000,000	2,468,667,920
Ending balance	16,613,014,470	16,403,014,470

5.8 Inventory

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Original Price	Reserve	Original Price	Reserve
Work in progress	46,898,264,612	-	53,547,310,378	-
Goods	11,077,319,104	-	10,025,056,210	-
Total	57,975,583,716	-	63,572,366,588	-

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

5.9 Long-term receivables

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Deposit for Saigon Office Rental	28,000,000	28,000,000
Deposit for Express Delivery	5,000,000	5,000,000
Total	33,000,000	33,000,000

5.10 Increase and decrease of tangible fixed assets

	Buildings, structures (VND)	Machinery and equipment (VND)	Means of transport, transmission (VND)	Other fixed assets (VND)	Total (VND)
Original price					
01/01/2025	29,311,291,829	1,268,572,137	4,863,680,673	127,000,000	35,570,544,639
Increase in period	-	-	-	-	-
31/03/2025	29,311,291,829	1,268,572,137	4,863,680,673	127,000,000	35,570,544,639
<i>In which:</i>					
Fully depreciated but still in use	2,641,569,411	312,675,200	1,942,491,582	127,000,000	5,023,736,193
Depreciation value					
01/01/2025	8,259,330,520	632,809,462	2,921,602,365	127,000,000	11,940,742,347
Depreciation during the period	228,862,804	38,397,432	96,363,060	-	363,623,296
31/03/2025	8,488,193,324	671,206,894	3,017,965,425	127,000,000	12,304,365,643
Residual value					
01/01/2025	21,051,961,309	635,762,675	1,942,078,311	-	23,629,802,295
31/03/2025	20,823,098,505	597,365,243	1,845,715,248	-	23,266,178,996

Increase or decrease of intangible fixed assets

	Original cost (VND)	Accumulated depreciation (VND)	Remaining value (VND)
01/01/2025	32,000,000	22,399,986	9,600,014
Increase in period	-	1,599,999	-
31/03/2025	32,000,000	23,999,985	8,000,015

5.11 Investment real estate held for price increase

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Land use rights at Bach Quang, Song Cong City, Thai Nguyen	2,814,624,000	2,814,624,000
Total	2,814,624,000	2,814,624,000

5.12 Cost of unfinished basic construction

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Buying real estate in Nuoc Hang hamlet, Mong Hoa commune, Hoa Binh city, Hoa Binh province	31,614,508,367	19,119,854,486
Total	31,614,508,367	19,119,854,486

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District,
Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

5.13 Prepaid expenses**a. Short-term prepaid expenses**

	01/01/2025 (VND)	Increase in period (VND)	Cost allocation (VND)	31/03/2025 (VND)
- Tools and supplies used	23,706,266	8,683,620	27,173,992	5,215,894
Total	23,706,266	8,683,620	27,173,992	5,215,894

b. Long-term prepaid expenses

	01/01/2025 (VND)	Increase in period (VND)	Cost allocation during the period (VND)	31/03/2025 (VND)
- Tools and supplies used	127.813.170	101.317.288	35.870.303	193.260.155
Total	127.813.170	101.317.288	35.870.303	193.260.155

5.14 Short-term trade payables

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Value	Amount of debt capacity	Value	Amount of debt capacity
Stakeholders	4,641,928,240	4,641,928,240	-	-
- HVC Hung Yen Company Limited	4,641,928,240	4,641,928,240	-	-
Third Party Providers	21,597,153,451	21,597,153,451	36,397,511,603	36,397,511,603
- Gia Vinh Investment and Trading Co., Ltd.	2,421,243,064	2,421,243,064	3,441,514,320	3,441,514,320
- ATL Investment and Trading JSC	88,149,159	88,149,159	5,756,322,122	5,756,322,122
- YIXING SEA FOUNTAIN EQUIPMENT CO., LTD.	4,588,640,222	4,588,640,222	8,217,265,222	8,217,265,222
- Hai Ha Production-Trading-Investment-Construction Co., Ltd.	1,166,595,643	1,166,595,643	1,166,595,643	1,166,595,643
- Le Nguyen Thao Construction Services Trading Co., Ltd.	682,270,390	682,270,390	682,270,390	682,270,390
- Shinyi Valves Corp	184,600,146	184,600,146	897,822,868	897,822,868
- Confitech No 9 Joint Stock Company	455,582,572	455,582,572	455,582,572	455,582,572
- Ademax Joint Stock Company	5,151,845,600	5,151,845,600	5,151,845,600	5,151,845,600
- Other suppliers	6,858,226,655	6,858,226,655	10,732,229,136	10,732,229,136
Total	26,239,081,691	26,239,081,691	36,501,447,873	36,501,447,873

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

5.15 Short-term advance payment by buyer

	31/03/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tung Feng Construction Engineering (Vietnam) Co., Ltd	3,881,976,444	17,486,560,585
- SCG Construction Group Joint Stock Company	9,869,383,667	9,869,383,667
- Van Phuc Real Estate Investment Joint Stock Company	7,266,166,287	7,266,166,287
- Sapa Lao Cai Development And Investment Joint Stock Company	4,003,875,731	-
- Viet Nam Green Construction Investment Consultant Joint Stock Company	1,016,390,009	-
- Other customers	578,016,604	6,614,763,608
Total	26,615,808,742	41,236,874,147

5.16 Taxes and amounts payable to the State

	31/03/2025 VND		01/01/2025 VND	
	Original Price	Amount Available for Debt Payment	Original Price	Amount Available for Debt Payment
- Corporate Income Tax	2,202,848,434	2,202,848,434	5,799,640,817	5,799,640,817
- VAT	759,439,112	759,439,112	-	-
- Personal Income Tax	41,100,030	41,100,030	37,297,449	37,297,449
Total	3,003,387,576	3,003,387,576	5,836,938,266	5,836,938,266

Fluctuation of State payables

	1/1/2025		Occurrence during the period		31/03/2025
	Amount payable (VND)	Amount paid (VND)	Amount payable (VND)	Amount paid (VND)	Amount payable (VND)
- Value Added Tax	-	41,805,569	3,897,407,349	3,096,162,668	759,439,112
- Import VAT	-	-	147,665,997	147,665,997	-
- Import Tax	-	-	34,529,584	34,529,584	-
- Corporate Income Tax	5,799,640,817	-	901,883,794	4,498,676,177	2,202,848,434
- Personal Income Tax	37,297,449	-	735,826,829	732,024,248	41,100,030
Total	5,836,938,266	41,805,569	5,717,313,553	8,509,058,674	3,003,387,576

5.17 Other short-term payables

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Other short-term payables to third parties	208,077,400	12,193,449,000
- Social Insurance must be paid	208,077,400	-
- Dividends to shareholders	-	12,193,449,000
Total	208,077,400	12,193,449,000

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District, Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

5.18 Short-term borrowings and finance leases

	31/03/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Value	Amount with debt repayment ability	Value	Amount with debt repayment ability
<i>Loan from Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank</i>	69,448,414,722	69,448,414,722	20,018,546,035	20,018,546,035
+ Factoring Loans	19,665,477,365	19,665,477,365	20,018,546,035	20,018,546,035
+ Short-term Loans	49,782,937,357	49,782,937,357	-	-
Total	69,448,414,722	69,448,414,722	20,018,546,035	20,018,546,035

(i) Appendix on credit limit re-issuance No. HSO20140019/HDHMTD/PLHM-2804177 dated February 25, 2025 with the limit value of: VND 250,000,000,000. The limit term is 12 months (From February 25, 2025 to February 25, 2026). The collateral is property, machinery and equipment. The purpose of the loan is to supplement working capital for production and business.

5.19 Provision for payables

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Short-term		
- Construction warranty provision	2,367,424,607	2,367,424,607
Total	2,367,424,607	2,367,424,607

5.20 Equity**Equity Fluctuation Reconciliation Table**

	Owner's Capital (VND)	Share Surplus (VND)	Retained Earnings (VND)	Total (VND)
01/01/2024	406,448,300,000	(4,390,693,200)	38,487,126,534	440,544,733,334
Profit in the previous year	-	-	21,990,783,592	21,990,783,592
Dividend advance	-	-	(12,193,449,000)	(12,193,449,000)
31/12/2024	406,448,300,000	(4,390,693,200)	48,284,461,126	450,342,067,926
01/01/2025	406,448,300,000	(4,390,693,200)	48,284,461,126	450,342,067,926
Profit for this period	-	-	3,545,615,139	3,545,615,139
31/03/2025	406,448,300,000	(4,390,693,200)	51,830,076,265	453,887,683,065

Share

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Number of shares registered for issuance	40,644,830	40,644,830
Number of shares issued	40,644,830	40,644,830

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District,
Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

	31/03/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
- Ordinary shares	40,644,830	40,644,830
Number of shares repurchased (treasury shares)	-	-
- Ordinary shares	-	-
Number of shares outstanding	40,644,830	40,644,830
- Ordinary shares	40,644,830	40,644,830

Par value of outstanding shares: 10,000 VND/share.

6. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS PRESENTED IN THE INTERIM STATEMENT OF INCOME**6.1. Total sales and service revenue**

	Quarter I of 2025 (VND)	Quarter I of 2024 (VND)
- Sales of goods	162,326,000	5,121,593,019
- Construction revenue	48,523,014,505	92,405,178,628
Total revenue	48,685,340,505	97,526,771,647

6.2. Cost of goods sold and services provided

	Quarter I of 2025 (VND)	Quarter I of 2024 (VND)
-Cost of goods	154,209,700	4,236,114,009
-Cost of construction	39,380,734,728	79,468,453,620
Total cost of goods	39,534,944,428	83,704,567,629

6.3. Financial revenue

	Quarter I of 2025 (VND)	Quarter I of 2024 (VND)
-Interest on deposits	135,541,833	24,440,244
-Exchange rate difference	-	105,040,805
Total	135,541,833	129,481,049

6.4. Financial costs

	Quarter I of 2025 (VND)	Quarter I of 2024 (VND)
- Interest	135.541.833	24.440.244
- Exchange rate difference loss	135.541.833	24.440.244
Cộng	135.541.833	129.481.049

6.5. Selling expenses

	Quarter I of 2025 (VND)	Quarter I of 2024 (VND)
- Construction warranty costs, refunds	12,725,900	11,357,810
- Outsourced service costs	62,280,900	7,008,900
Total	75,006,800	18,366,710

HVC INVESTMENT AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Address: 8th Floor, Tower C - Ho Guom Plaza, 102 Tran Phu, Mo Lao Ward, Ha Dong District,
Hanoi City

NOTES TO SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS (Continued)

Quarter I of 2025

6.6. Business management costs

	Quarter I of 2025 (VND)	Quarter I of 2024 (VND)
- Management staff costs	3,360,943,730	3,013,794,269
- Management equipment costs	110,775,342	87,705,230
- Fixed asset depreciation costs	353,041,883	418,531,428
- Taxes, fees and charges	85,350,996	78,094,790
- Provision Expenses	210,000,000	-
- Outsourced Service Expenses	22,869,344	289,609,820
- Other Cash Expenses	629,004,789	272,640,445
Total	4,771,986,084	4,160,375,982

6.7. Other income

	Quarter I of 2025 (VND)	Quarter I of 2024 (VND)
- Other income	121,978,049	57,146,139
Total	121,978,049	57,146,139

6.8. Other costs

	Quarter I of 2025 (VND)	Quarter I of 2024 (VND)
- Chi phí khác	100,120,001	144,028,749
Total	100,120,001	144,028,749

6.9. Current corporate income tax expense

	Quarter I of 2025 (VND)	Quarter I of 2024 (VND)
Corporate income tax expense on current taxable income	901,883,794	1,899,697,640
Total	901,883,794	1,899,697,640

7 OTHER INFORMATION

7.1. Contingent liabilities, commitments and other financial information: none

7.2. Going concern of the Company

There are no events that may cast significant doubt on the Company's ability to continue as a going concern and the Company has no intention or need to cease operations or significantly reduce the scale of its operations.

April 26, 2025

PREPARED BY

CHIEF ACCOUNTANT

GENERAL DIRECTOR

Nguyen Thi Bich Thuan

Cao Hai Ngoc

Le Van Cuong